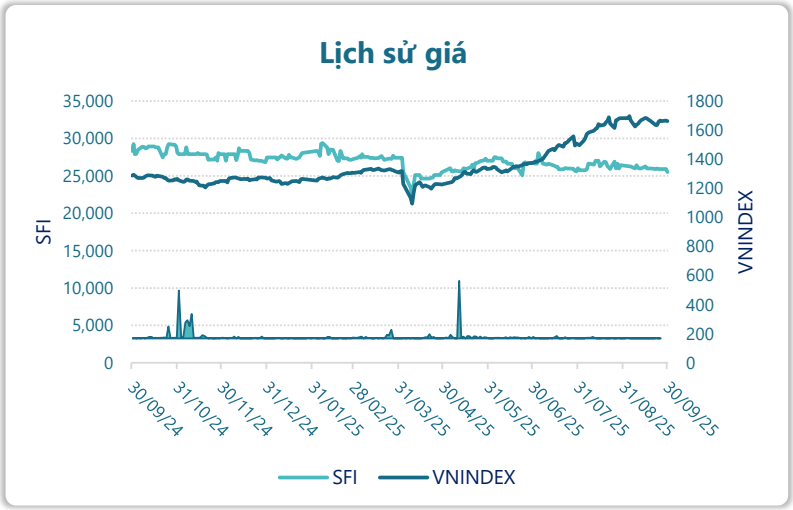
FireAnt

CTCP Đại lý Vận tải SAFI (HSX: SFI)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,379
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,313
SL cổ phiếu LH	24,312,034
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,145
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	620
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q3/25

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

tỷ VNĐ

LN sau thuế

9T 2025

tỷ VNĐ

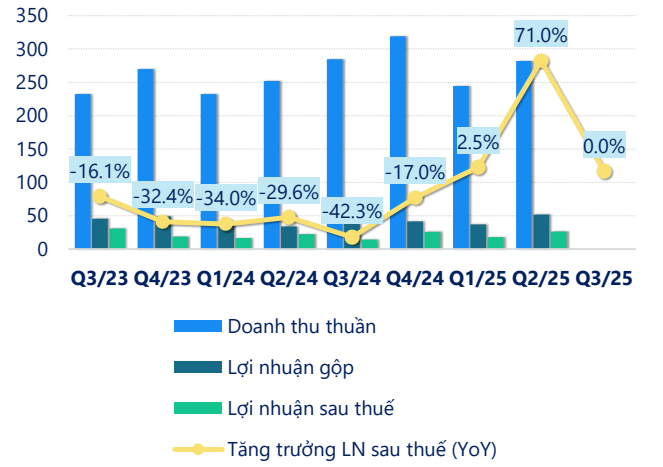
ROE

Q3/25

#VALUE!

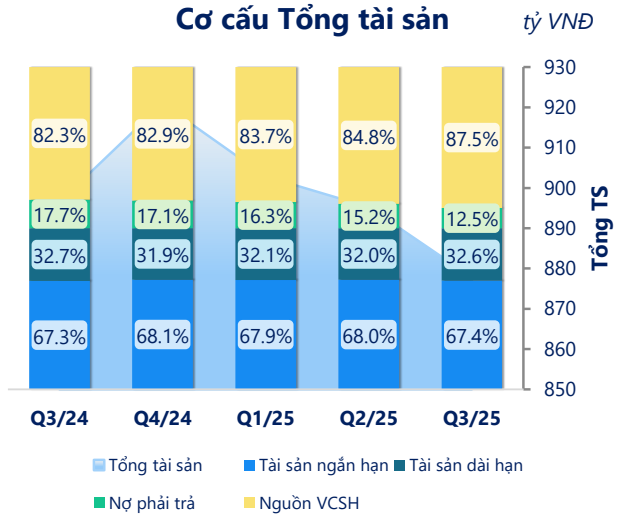
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



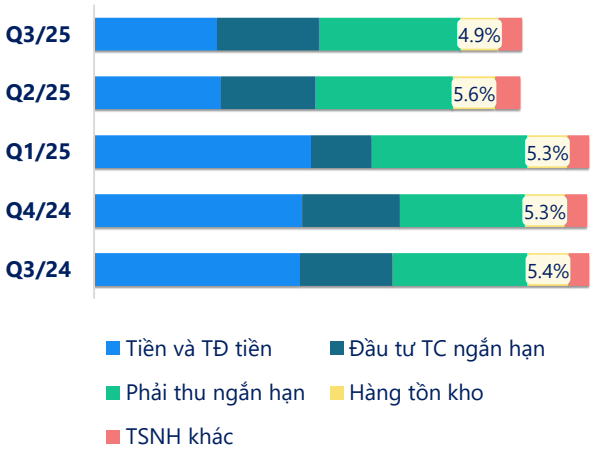
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



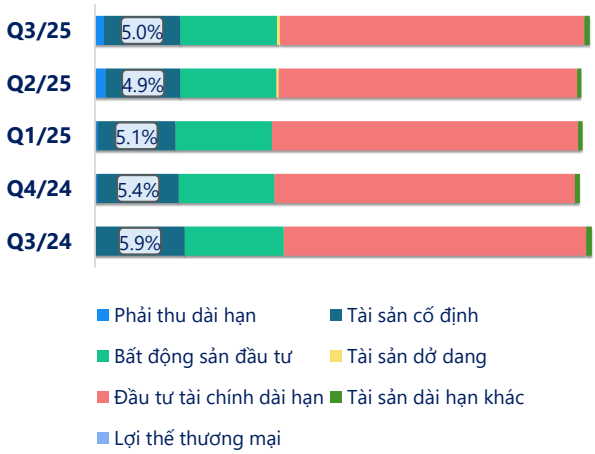
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



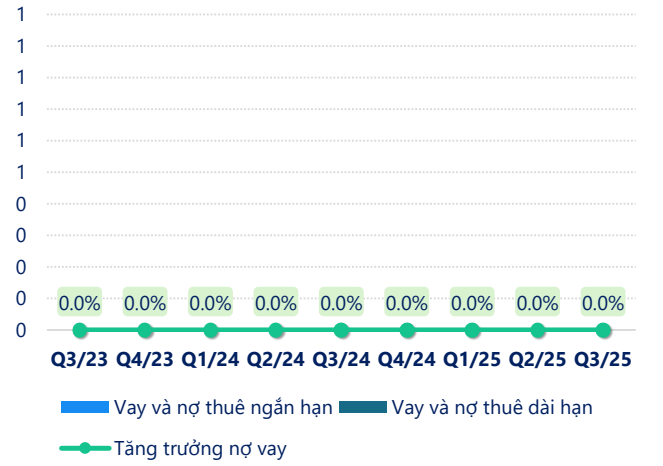
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



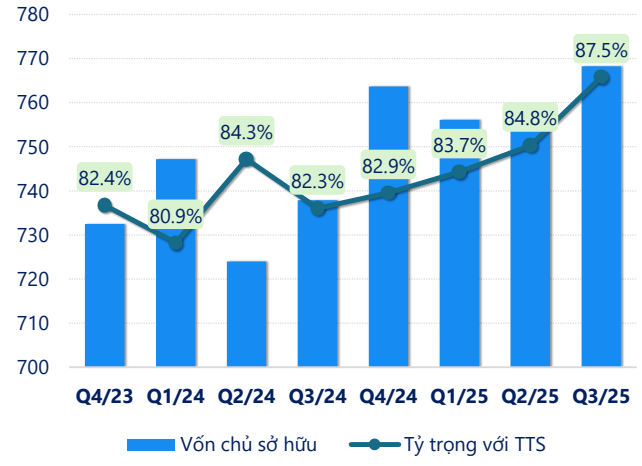
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



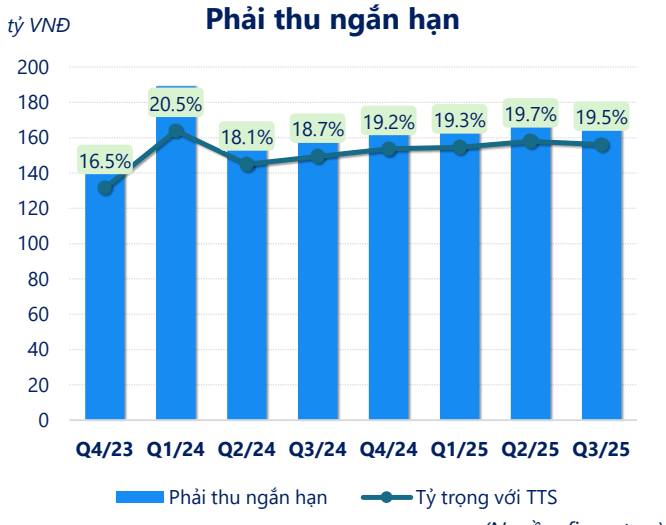
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



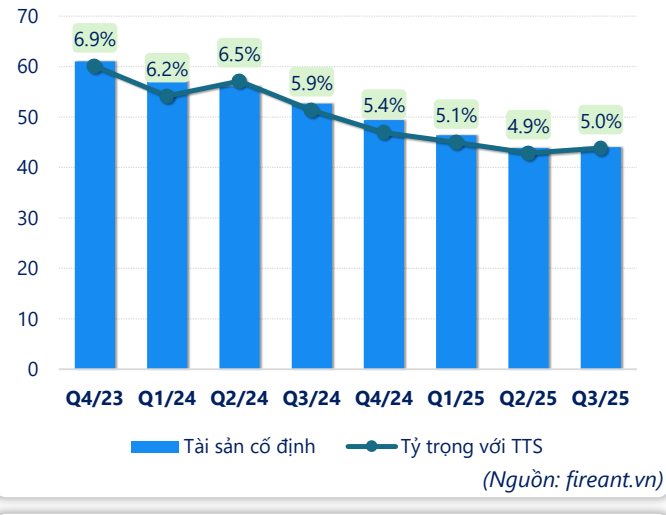
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



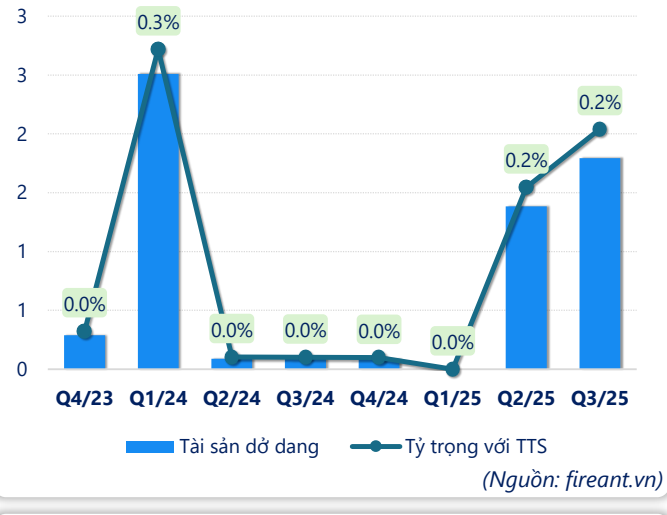
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



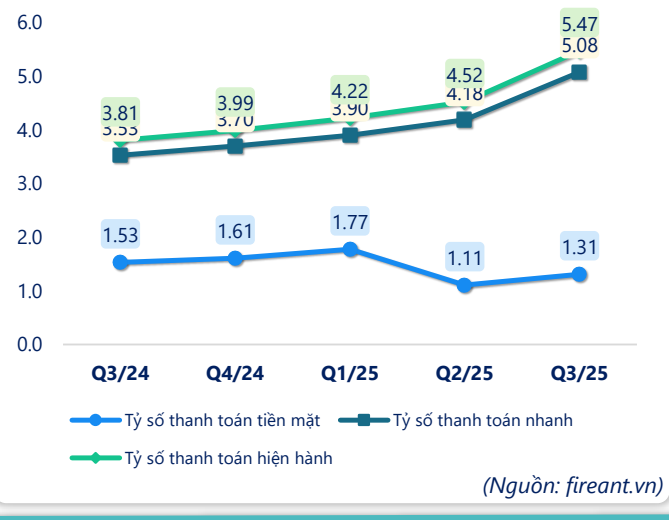
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



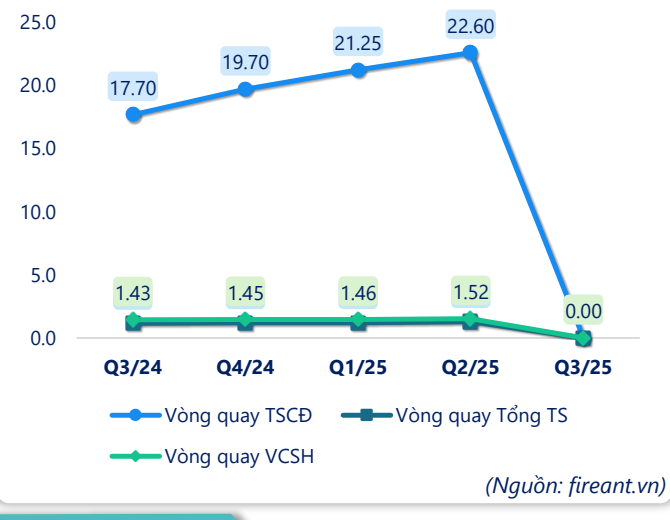
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**896**	**921**	**903**	**895**	**878**
Tài sản ngắn hạn	**603**	**627**	**613**	**609**	**592**
Tiền và tương đương tiền	243	252	258	149	142
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	124	103	206	204
Phải thu ngắn hạn	167	177	174	177	171
Hàng tồn kho	44.3	45.5	46.3	45.3	42.8
Tài sản ngắn hạn khác	28.2	28.5	31.5	31.7	31.5
Tài sản dài hạn	**293**	**294**	**290**	**287**	**286**
Phải thu dài hạn	0.25	1.46	1.46	6.46	5.25
Tài sản cố định	52.6	49.4	46.4	43.9	44.0
Bất động sản đầu tư	58.6	57.9	57.3	56.6	55.9
Tài sản dở dang	0.09	0.09	0	1.38	1.79
Đầu tư tài chính dài hạn	178	182	182	176	176
Tài sản dài hạn khác	3.30	2.95	2.65	2.45	3.11
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**159**	**157**	**147**	**136**	**110**
Nợ ngắn hạn	**159**	**157**	**145**	**135**	**108**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	138	136	125	112	94.8
Nợ dài hạn	0.09	0.09	1.40	1.38	1.36
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**738**	**764**	**756**	**759**	**768**
Vốn chủ sở hữu	**738**	**764**	**756**	**759**	**768**
Vốn điều lệ	249	249	249	249	260
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)